TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 448/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20-4-2026
Về việc: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vi Tường Thuỵ;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh, số 27 đường Thành Thái, phường Diên Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2025/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 128/2026/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Anh T, sinh ngày: 06/12/1977, số CCCD: 079177009760, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, ngày cấp: 22/11/2021 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 82 Vĩnh Viễn, phường Vườn Lài, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Thái Cao H, sinh ngày: 14/4/1980, số CCCD: 079080030154, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, ngày cấp: 04/5/2021 (vắng mặt).

Địa chỉ: 82 Vĩnh Viễn, phường Vườn Lài, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện ngày 23/7/2025 và bản tự khai ngày 22/10/2025 Bà Nguyễn Anh T trình bày:

Bà Nguyễn Anh T và ông Thái Cao H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển 01, ngày 11/01/2005. Trong quá

trình chung sống, cả hai xảy ra mâu thuẫn, đã nói chuyện nhiều lần nhưng không còn hoà hợp được. Nay Bà Nguyễn Anh T đề nghị Toà án giải quyết xin được ly hôn với ông Thái Cao H.

Về con chung: có 02 con chung là trẻ Thái Cao Mỹ H, sinh ngày 28/02/2009 và ông Thái Cao H1, sinh ngày 04/11/2005. Ông Thái Cao H1 đã thành niên. Bà Nguyễn Anh T đề nghị giao trẻ Thái Cao Mỹ H cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Anh T không yêu cầu cấp dưỡng.

Về nợ chung và tài sản chung: Không có.

Bị đơn ông Thái Cao H vắng mặt trong suốt quá trình toà thụ lý và giải quyết vụ án nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01, ngày 11/01/2005 của Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 10 (nay là phường Vườn Lài), Thành phố Hồ Chí Minh, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà Nguyễn Anh T và ông Thái Cao H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, nay Bà Nguyễn Anh T và ông Thái Cao H là tranh chấp "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: do bị đơn ông Thái Cao H cư trú tại 82 Vĩnh Viễn, phường Vườn Lài, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án ngày 25/6/2025 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: xét bị đơn ông Thái Cao H đã được Toà án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập tham gia xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt; Xét đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn Bà Nguyễn Anh T là hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét tại bản tự khai ngày 22/10/2025 của Bà Nguyễn Anh T và biên bản không tiến hành hoà giải được, bà Ttrình bày trong quá trình chung sống, cả hai xảy ra mâu thuẫn, đã nói chuyện nhiều lần nhưng không còn hoà hợp được. Nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án, ông Thái Cao H

cũng không tham gia hoà giải cũng không trình bày ý kiến điều này thể hiện ông Hùng không thiết tha đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được". Xét thấy vợ chồng không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Bà Nguyễn Anh T xin được ly hôn với ông Thái Cao H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu.

[4.2] Về con chung: trẻ Thái Cao Mỹ H, sinh ngày 28/02/2009. Xét yêu cầu của bà Txin được nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào tờ trình bày nguyện vọng của trẻ Hân mong muốn được ở với mẹ. Bản thân ông Hùng không có ý kiến và không trình bày nguyện vọng muốn được nuôi con hay không. Do đó, yêu cầu giao trẻ Hân cho bà Ttiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: bà Tkhông yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: bà Tkhai không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

[5] Về án phí: bà Tchịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 và 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án ngày 25/6/2025;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

[1] Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Anh T được ly hôn với ông Thái Cao H.

[2] Về con chung: Giao trẻ Thái Cao Mỹ H, sinh ngày 28/02/2009 cho Bà Nguyễn Anh T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con Bà Nguyễn Anh T không yêu cầu ông Thái Cao H cấp dưỡng.

Ông Thái Cao H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Anh T chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0021856 ngày 01/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1. Nguyễn Vi Tường Thụy

Trần Thanh Nhàn

2. Nguyễn Thị Kim Hồng